TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Ông Sơn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B1.

Địa chỉ: Tòa nhà T, Số B, Đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Ru L; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Đại diện theo Văn bản ủy quyền số 45/2023/UQ-LiênVietPostBank.HG ngày 17-02-2023 (có mặt).

- *Các bị đơn:*

1/ Ông Trần Thanh B; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị K; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 trình bày:*

Ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K vay vốn tại Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh H – P theo Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338, ký ngày 06-4-2018;

với số tiền vốn vay 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn cho vay 60 tháng; mục đích sử dụng vốn mua mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; lãi suất cho vay 10,6%/năm; lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi; kỳ hạn trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng; ngày trả nợ cuối cùng 06-4-2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP B1 kể từ ngày 25-8-2022 và phải chịu mức lãi phạt lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 03-02-2023, ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải thanh toán cho Ngân hàng là 29.794.302 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ hai đồng).

Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả gốc và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338, ký ngày 06-4-2018, tính đến ngày 03-02-2023 là 29.794.302 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ hai đồng). Đồng thời, buộc ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải tiếp tục chịu lãi trong hạn và các khoảng lãi phạt quá hạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Buộc ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải tiếp tục chịu lãi trong hạn và các khoảng lãi phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 4 năm 2023, bị đơn ông Trần Thanh B trình bày:*

Vào năm 2018, ông B có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh H – P theo Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338, ký ngày 06-4-2018; với số tiền vay 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn cho vay 60 tháng; mục đích sử dụng vốn mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; lãi suất cho vay 10,6%/năm; lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi; kỳ hạn trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng; ngày trả nợ cuối cùng 06-4-2023. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông B và bà K đã ngưng trả nợ gốc và lãi kể từ ngày 25-8-2022 đến nay nên ông B thừa nhận còn nợ tiền vốn vay và tiền lãi theo như Ngân hàng TMCP B1 trình bày tính đến ngày 03-02-2023 là 29.794.302 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ hai đồng). Ông B đồng ý trả toàn bộ tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng TMCP B1, nhưng ông B đề nghị Ngân hàng TMCP B1 xem xét cho ông B và bà K tiếp tục được đóng lãi theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Vì hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, việc chăn nuôi heo bị thua lỗ, bà K đang bị bệnh nên không có khả năng thanh toán một lần toàn bộ vốn vay và tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 31-7-2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 trình bày:*

Tính đến ngày 31-7-2023, ông B và bà K còn nợ Ngân hàng TMCP B1 các khoản cụ thể: Dư nợ gốc là 26.999.997 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.877.326 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.517.420 đồng và lãi phạt chậm trả lãi 132.121 đồng, tổng cộng các khoản là 33.526.773 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm hai mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng). Do vậy, Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu buộc ông B và bà K phải trả cho Ngân hàng TMCP B1 tính đến ngày 31-7-2023, tổng số tiền vốn vay và lãi quá hạn là 33.526.773 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm hai mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng), đồng thời ông B và bà K tiếp tục có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01-8-2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338, ký ngày 06-4-2018.

** Đối với bị đơn bà Lê Thị K:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà K tại nơi cư trú do ông B là chồng nhận thay văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án, bà K không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng; đối với nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật, riêng các bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền vay và tiền lãi phát sinh còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử

vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn với các bị đơn ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vào ngày 06-4-2018, ông B có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338 với nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 tại Phòng G, tỉnh Hậu Giang để vay số tiền 180.000.0000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) để mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình, thời hạn vay đến ngày 06-4-2023, lãi suất vay là 10,6%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần sau ngày 06-4-2019; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được giải ngân, ông B thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay và lãi định kỳ theo hợp đồng đến ngày 25-8-2022 được số tiền gốc 153.000.003 đồng và tổng tiền lãi là 67.164.053 đồng thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 31-7-2023, ông B còn nợ nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 số vốn vay là 26.999.997 đồng, tiền lãi trong hạn 1.877.236 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.517.420 đồng và tiền phạt lãi chậm trả 132.121 đồng, tổng cộng là 33.526.773 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng). Đối chiếu các quy định pháp luật tại Điều 91, Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B và bà K phải thanh toán toàn bộ vốn vay và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31-7-2023 và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn vay chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338 ngày 06-4-2018 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông B và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.676.338 đồng (Một triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 không phải chịu án phí và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 744.858 đồng (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng).

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1.

1. Buộc ông Trần Thanh B, bà Lê Thị K phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 các khoản như sau:

- Tiền vốn vay là 26.999.997 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 1.877.236 đồng

- Tiền lãi quá hạn là 4.517.420 đồng

- Tiền phạt lãi chậm trả 132.121 đồng;

Tổng cộng là 33.526.773 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm hai mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ vay, ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh đối với số tiền vốn vay chưa thanh toán, theo lãi suất quá hạn trong Hợp đồng tín dụng số HDTD801201804338 ngày 06-4-2018.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 744.858 đồng (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005366 ngày 04-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Trần Thanh B và bà Lê Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.676.338 đồng (Một triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Luân